TAND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14/8/2020
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn La, ông Nguyễn Quang Vinh.

Thư ký Tòa án ghi B bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại viện viện kiểm sát tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang.

Trong ngày 14/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2020 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: thôn D, xã Đ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Chỗ ở: thôn T, xã Th, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Giáp Văn B, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn D, xã Đ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Giáp Văn B vào ngày 23/10/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng bố mẹ đẻ anh B ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận. Đến tháng 8/2019 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong việc làm ăn, phát triển kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, Th, Lạng Giang, Bắc Giang kể từ tháng 8/2019 cho đến nay, không quay về chung sống cùng với anh B nữa. Vợ chồng sống ly thân không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên chị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Giáp Văn Hải, sinh ngày

31/10/2009 và Giáp Văn Hồng Quân, sinh ngày 07/5/2013. Hiện nay cả hai con chung đều đang ở cùng với chị, các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu Quân, đồng ý để anh B nuôi dưỡng cháu Hải.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Giáp Văn B đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Nhưng anh B không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt mà không có lý do nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Theo B bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh B, chị T cư trú và gia đình anh B thấy: Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng anh B, chị T hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 8/2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn to tiếng, cãi chửi nhau nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, không quay về chung sống cùng với anh B nữa.Vợ chồng sống ly thân không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng anh B, chị T không nghe mà nhất quyết ly hôn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh B và yêu cầu giải quyết về con chung.

Bị đơn là anh Giáp Văn B vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

- Nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Giáp Văn B.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Giáp Văn Hồng Quân, sinh ngày 07/5/2013; giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Giáp Văn Hải, sinh ngày 31/10/2009.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T, anh B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn là chị T có mặt, bị đơn là anh B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B có đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2008 tại UBND xã Đ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh B là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của chị T phù hợp với B bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương và gia đình anh B đều xác định vợ chồng chị T, anh B có sảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng to tiếng, cãi chửi nhau và đã có khoảng thời gian sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay chị T xin ly hôn, tuy anh B không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T. Nhưng Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về nhân thân, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh B.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh B có hai con chung là Giáp Văn Hải, sinh ngày 31/10/2009 và Giáp Văn Hồng Quân, sinh ngày 07/5/2013. Ly hôn, chị T xin được nuôi dưỡng cháu Quân, đồng ý để anh B nuôi dưỡng cháu Hải. Anh B không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị T. Cháu Hải và cháu Quân đã trên 07 tuổi và đều có ý kiến, nguyện vọng xin được ở với chị T. Tuy nhiên, để đảm bảo cho các con phát triển tốt về mọi mặt, đảm bảo về phát triển kinh tế của người nuôi dưỡng. Vì vậy,

cần giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung theo ý kiến của chị T là phù hợp.

Chị T, anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị chị T, anh B thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị T, anh B có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T, anh B không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp T án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Giáp Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Giáp Văn Hồng Quân, sinh ngày 07/5/2013; giao cho anh Giáp Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Giáp Văn Hải, sinh ngày 31/10/2009.

Sau khi ly hôn chị T, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T, anh B thực hiện quyền này.

Chị T, anh B có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T, anh B không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng T án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số T 300.000 đồng T tạm ứng án phí chị T đã nộp theo B lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002355 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sang